

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672014 - Cơ lý thuyết 1

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Bùi Quang	Chiến	3671030038	19/05/1994	8,00	2,00	3,80	
2	Nguyễn Duy	Quý	3671030065	28/09/1994	6,00	9,00	8,10	
3	Nguyễn Xuân	Kiệt	3671030074	11/04/1994	9,00	4,50	5,90	
4	Nguyễn Minh	Kha	3671030100	06/10/1994	8,00	2,00	3,80	
5	Nguyễn Hoàng	Long	3671030105	22/12/1994	8,00	4,00	5,20	
6	Huỳnh Công	My	3671030108	15/10/1994	6,00	6,00	6,00	
7	Hà Tiến	Đạt	3671030110	10/04/1994	8,00	7,00	7,30	
8	Phạm Lê Trung	Hiếu	3671030134	06/09/1993	5,00	8,00	7,10	
9	Trương Hoàng	Anh	3671030144	29/03/1994	9,00	5,00	6,20	
10	Trương Văn	Song	3671030177	16/02/1994	5,00	6,00	5,70	
11	Mai Minh	Thuận	3671030183	15/07/1994	7,00	2,00	3,50	
12	Đình Xuân	Lộc	3671030214	12/11/1994	6,00	6,50	6,40	
13	Lê Anh	Vĩ	3671030260	14/07/1994	9,00	2,00	4,10	
14	Lý Xuân	Sử	3671030311	10/06/1994	5,00	9,00	7,80	
15	Võ Ngọc	Sang	3671030341	04/10/1994	7,00	6,50	6,70	
16	Nguyễn Quỳnh	Khôi	3671030345	10/08/1993	7,00	6,00	6,30	
17	Lê Minh	Hải	3671030351	24/11/1993	4,00	8,00	6,80	
18	Đỗ Quốc	Đạt	3671030358	28/04/1994	5,00	10,00	8,50	
19	Võ Hoài	Duy	3671030425	20/11/1994	5,00	2,00	2,90	
20	Nguyễn Trung	Kiên	3671030451	14/03/1993	7,00	3,50	4,60	
21	Trần Hồ Nhật	Minh	3671030462	01/03/1994	7,00	,00	2,10	
22	Lê Anh	Tuấn	3671030474	12/09/1993	9,00	5,00	6,20	
23	Lâm Đỗ Đình	Quang	3671030500	24/07/1994	5,00	8,00	7,10	
24	Đặng Thế	Vinh	3671030515	11/03/1994	1,00	9,00	6,60	
25	Bùi Nguyễn	Tĩnh	3671030524	15/02/1993	8,00	7,00	7,30	
26	Phạm Cao	Trí	3671030556	06/10/1994	5,00	3,00	3,60	
27	Nguyễn Văn	Hiếu	3671030557	25/06/1993	,00	,00	,00	CT
28	Nguyễn Hữu	Lành	3671030558	02/04/1992	10,00	7,00	7,90	
29	Lê Phú	Lập	3671030629	23/05/1994	5,00	8,00	7,10	
30	Lê Quang	Trung	3671030650	12/03/1994	7,00	4,00	4,90	
31	Võ Văn	Hùng	3671030701	20/03/1993	7,00	8,00	7,70	
32	Đỗ Hoàng	Phúc	3671030725	16/01/1993	7,00	6,00	6,30	
33	Nguyễn Thiện	Tâm	3671030733	10/09/1994	7,00	1,00	2,80	
34	Nguyễn Thành	Trung	3671030742	21/03/1994	6,00	1,00	2,50	
35	Nông Đức	Bằng	3671030787	11/02/1994	,00	,00	,00	CT

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Hồ	Hải	3671030831	28/01/1994	4,00	4,00	4,00	
37	Nguyễn Thành	Tâm	3671030834	03/01/1994	7,00	6,00	6,30	
38	Lê Hữu	Toàn	3671030859	12/10/1994	5,00	8,00	7,10	
39	Nguyễn Thị Thúy	An	3671030877	13/05/1994	7,00	7,50	7,40	
40	Phan Hữu	Hiệp	3671030878	30/10/1994	4,00	2,00	2,60	
41	Đỗ Bá	Trung	3671030938	05/07/1993	4,00	9,00	7,50	
42	Lê Đình	Duy	3671030954	14/07/1994	7,00	,00	2,10	
43	Nguyễn Đức	Tiến	3671031136	12/06/1993	7,00	5,00	5,60	
44	Trần Nam	Sơn	3671031151	22/12/1994	9,00	,00	2,70	
45	Nguyễn Lê Minh	Khánh	3671031482	11/05/1994	7,00	,00	2,10	

Tổng số : **SV**

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2013

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)